VỀ "LÝ THUYẾT PHÊ PHÁN" XÃ HỘI CỦA TRƯỜNG PHÁI FRANKFURT TRONG BA THẬP NIÊN CUỐI THẾ KỶ XX

NGUYỄN CHÍ HIẾU[*]

"Lý thuyết phê phán"[*] xã hội được khởi đầu bởi nhà triết học và xã hội học nổi tiếng người Đức, J. Habermas khi ông phục hồi dự án trước đây của trường phái Frankfurt dựa trên lý luận về hành vi giao tiếp [Xem thêm 4]. Hiện nay, "lý thuyết phê phán" xã hội vẫn đang giữ một vị trí quan trọng trong triết học xã hội phương Tây.

Vào nửa sau những năm 80-90 của thế kỷ XX, ngoài J. Habermas, còn có A. Wellmer, A. Honneth, T. Mackarti, Sh. Benhabib, K. Kelhun, N. Frezer, v.v... là những đại diện tiêu biểu của trào lưu tư tưởng này và họ cố gắng tiếp tục phát triển "lý thuyết phê phán" cho phù hợp với những điều kiện xã hội mới. Nối tiếp các định hướng triết học xã hội cơ bản của trường phái Frankfurt, lý thuyết phê phán xã hội hiện đại vẫn là một trào lưu tư tưởng độc đáo. Nó xuất hiện trong bối cảnh tranh luận về khủng hoảng của tính duy lý triết học và về chủ nghĩa hậu hiện đại, thể hiện là một chiến lược xác định trong xây dựng lý luận về những thực tại của thế giới đang đổi thay. Những yếu tố cơ bản của chiến lược này là: 1) xét lại và phê phán một cách nội tại thời hiện đại (modernity) dựa trên cơ sở vạch ra cấu trúc phức tạp của nó và chỉ ra "trò chơi" của tự do và của thống trị dưới các hình thức sinh hoạt xã hội và tư duy hiện đại; 2) hình thành "suy lý" kết hợp khai sáng triết học với nghiên cứu xã hội liên ngành; và 3) xây dựng tri thức về lĩnh vực chính trị. Các đại diện của "lý thuyết phê phán" cũng khảo cứu cách mạng khoa học-kỹ thuật trong điều kiện chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

J. Habermas nỗ lực xây dựng lý thuyết "giao tiếp", có nhiệm vụ minh biện về mặt triết học cho thực tiễn của các cải cách dân chủ xã hội. Cùng quan điểm với H. Marcuse, ông nhấn mạnh rằng, với tư cách sản phẩm của xã hội tư sản, giai cấp lao động dường như không sở hữu "thông thạo giao tiếp" để lĩnh hội các tư tưởng siêu việt hóa hiện thực và

(*) "Lý thuyết phê phán" là thuật ngữ được sử dụng để mô tả tính đa dạng của các tác giả châu Âu, đặc biệt là các tác giả thuộc "Trường phái Frankfurt" tập trung xung quanh Viện nghiên cứu Xã hội được thành lập ở Frankfurt năm 1923. Những nhân vật chủ chốt là M. Horkheimer, T. Adorno và H. Marcuse.

(*) TS., Viện Triết học, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

hoàn toàn bị tích hợp vào "xã hội công nghiệp phát triển". Habermas muốn dựa vào "giới trí thức có tư duy phê phán" để sử dụng bên trong bộ máy quản lý nhà nước các phương tiện hình thành dư luận xã hội (trường phổ thông, trường đại học, truyền hình, truyền thanh, in ấn, bản thân quản lý nhà nước) cho các cải cách "cấp tiến" theo tinh thần của "chủ nghĩa xã hội dân chủ". Điều đó cho thấy, ông muốn hướng tới cải cách ý thức của con người như nhân tố xã hội phát sinh, chủ yếu và mang tính quyết định [Xem 2, 43]. Đứng trên lập trường tả khuynh, các học trò của Marcuse không tin tưởng vào các "cải cách nội tại" của Đảng Dân chủ xã hội Đức và hy vọng thức tỉnh ở giai cấp lao động thái độ quan tâm đến nhận thức bản chất và các mâu thuẫn của xã hội tư sản và qua đó, góp phần hình thành ý thức cách mạng. Nối tiếp tư tưởng của Horkheimer, Habermas khẳng định rằng, kể từ khi bắt đầu xuất hiện phân công lao động và trao đổi hàng hóa thì dường như không phải hệ tư tưởng tư sản mà ý thức xã hội nói chung mới là "cơ sở xã hội" của ý thức giả dối đang thống trị.

Thế hệ mới của trường phái Frankfurt sử dụng mối liên hệ truyền thống của trường phái với chủ nghĩa hiện sinh. Theo M. Heidegger, "tội tổ tông lớn", "bước ngoặt" trong tự ý thức của loài người đã diễn ra ở đâu đó trong triết học Hy Lạp cổ đại: ý thức xã hội bị tha hóa từ khi đó đã đứng đối lập với "hiện sinh" cá nhân đích thực, gán ghép cho nó "tồn tại xã hội" dưới dạng các loại tư tưởng hệ khác nhau. Khoa học và kỹ thuật được Habermas mô tả là sản phẩm của "ý thức giả dối", mọi niềm tin vào các quy luật khách quan của phát triển xã hội đều chỉ là "hệ tư tưởng" đứng đối lập với tự ý thức phát sinh tự do của cá nhân.

Thực ra, luận chiến với Marcuse, Habermas giả định khả năng sẽ có thái độ khác của "tôi" với tự nhiên và tha nhân: khi đó thống trị được thay thế bằng giao tiếp, tự nhiên biến từ đối tượng thành bạn hữu, hành động có mục đích hợp lý biến thành tương tác có biểu tượng giữa người với người. Habermas hiểu hành vi giao tiếp là hành vi "được định hướng bởi những chuẩn tắc bắt buộc", có hiệu lực dựa trên cơ sở "đồng thuận liên chủ thể về chủ ý được mọi người thừa nhận". Không phải các quy luật khách quan của quan hệ sản xuất, mà các quan hệ chủ quan, hữu thức giữa các cá nhân là lực lượng cứu rỗi, đứng đối lập với "thống trị" của tính duy lý kỹ thuật. Nhưng, đây chỉ là công việc của các sinh viên, của giới trí thức, của một số nhà kỹ trị có tư duy phê phán [Xem 3, 57, 63, 100].

Theo Habermas, các nhà kỹ trị có tư duy phê phán như vậy cần phải khước từ mệnh lệnh của tính hợp lý công nghệ với tư cách yếu tố quyết định những giải pháp của mình và phải xuất phát từ các chuẩn tắc mới, lẽ sống mới nhằm làm tăng tự do, phát triển nhân cách, nâng cao tính chủ quan. Chỉ thông qua phản tư của tự ý thức có phê phán, các nhà kỹ trị ấy mới có thể cải biến não trạng của mình. Vì khoa học trở thành lực lượng sản xuất chủ yếu, còn trí thức có tư duy phê phán là đại diện và sản phẩm của nó, nên không phải giai cấp lao động bị nhấn chìm trong "ý thức hạnh phúc" về những nhu cầu giả dối được kỹ thuật đáp ứng, mà chính trí thức mới trở thành chủ thể của các cải cách xã hội.

Lý thuyết giá trị lao động của K. Marx cũng bị Habarmas xét lại: không phải lao động của công nhân, mà lao động của trí thức, không phải lao động chân tay mà lao động trí óc mới trở thành nguồn gốc của giá trị, kể cả giá trị thặng dư trong điều kiện xã hội công nghiệp phát triển cao.

Ở đây, có thể nhận thấy điểm tương đồng và dị biệt giữa Marcuse tả khuynh và Habermas hữu khuynh trong khuôn khổ trường phái Frankfurt. Trí thức có tư duy phê phán có thể xác định các mục đích, các giá trị, các chuẩn tắc cần tuân thủ khi hành động một cách trái ngược với chủ nghĩa duy lý kỹ thuật như thế nào? Với Marcuse, không ai, kể cả người có tư duy phê phán, có thể đưa ra giải đáp khoa học cho vấn đề này. Còn Habermas nhận định rằng, nhờ tự phản tư và phê phán, bản thân khoa học có thể tìm ra câu trả lời và các giải pháp mới.

Một trong nhiều yếu tố xét lại chủ nghĩa duy vật lịch sử từ phía các nhà triết học trường phái Frankfurt gắn liền với cách luận giải đặc biệt về khái niệm "tổng thể" (Totalitaet). Khái niệm này được sử dụng để khước từ quan niệm duy vật về tính thứ nhất của cơ sở hạ tầng và tồn tại xã hội đối với thượng tầng kiến trúc và ý thức xã hội. Tuyệt đối hóa tính độc lập tương đối của các hiện tượng thượng tầng kiến trúc và tác động ngược trở lại của chúng đến cơ sở hạ tầng, tách biệt "tính một chiều" của con người không phải từ bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, mà từ "ý thức một chiều" của xã hội này, các đại diện của trường phái Frankfurt luận giải xã hội nhờ phê phán khái niệm "tổng thể". Mặc dù tư tưởng này được phát triển và bảo vệ trong cuộc luận chiến chống lại chủ nghĩa thực chứng, song nó dẫn tới việc phủ định các quy luật khách quan của đời sống xã hội mà "lý thuyết phê phán" vẫn luôn có kỳ vọng "phủ định tuyệt đối".

Song, tư tưởng "tổng thể" còn có một phương diện khác: trường phái Frankfurt tự mình đối lập với xã hội học thực chứng, nhưng đồng thời cũng chống lại chủ nghĩa duy vật lịch sử. Các nhà lý luận trường phái này đem "tính có can hệ" của nhà triết học xã hội, nhà xã hội học và "nhà phê phán" với "tổng thể xã hội" và tính chủ quan về tư tưởng tất yếu, đối lập với phân tích khoa học khách quan, bị tước mất cách tiếp cận giá trị về những sự kiện xã hội.

Tư tưởng này của trường phái Frankfurt có ý nghĩa triết học phổ biến, vượt ra khỏi hệ vấn đề của khoa học xã hội thuần túy. Quan hệ của con người, không chỉ với xã hội mà cả với tự nhiên, được luận giải theo tinh thần tuyệt đối hóa các phương diện tiêu cực, nhất thời, vốn đặc trưng cho xã hội công nghiệp hiện đại, mặc dù chúng xuất hiện sớm hơn, cùng với sự xuất hiện của đối kháng giai cấp và tha hóa. Khát vọng của con người là bắt tự nhiên phục tùng các mục đích của mình dường như trên thực tế lại luôn làm cho con người phục tùng "lý tính công cụ" [Xem thêm 5] của mình, tức là phục tùng "lô gíc thống trị". Theo lược đồ này, quan hệ kỹ trị của con người với tự nhiên và với bản thân có các hình thức biểu hiện không khắc phục được và cực đoan trong chiến tranh hạt nhân, trong sự nhào nặn ý thức con người, trong sự thống trị của ý thức bị tha hóa và trong sự tồn tại xã hội bị tha hóa do ý thức ấy quyết định. Quan điểm về tính một chiều của lý tính

công cụ, sự khước từ nhận thức và thậm chí thừa nhận biện chứng của các mâu thuẫn và phủ định các khả năng khác nhau trong hiện thực: chính những tư tưởng này của Horkheimer đã là tiền đề về lý luận cho khái niệm "một chiều" của Marcuse.

Đồng thời, quan điểm này cũng là bước chuẩn bị cho việc trường phái Frankfurt khước từ nhận thức và bác bỏ tiên đoán khoa học về các quy luật khách quan và các khả năng của phát triển xã hội. Tư tưởng này được Habermas trình bày trong quan niệm của ông về khoa học và kỹ thuật như "hệ tư tưởng": niềm tin vào tiến bộ khoa học và kỹ thuật, vào sự phát triển, tiến bộ của lực lượng sản xuất được ông luận giải như một kiểu "ý thức giả dối", không muốn nhận thấy những mâu thuẫn của tiến bộ. Xét trên phương diện lịch sử tư tưởng, có thể nhận thấy những biến thể khác nhau của chủ đề này, từ khái niệm "hợp lý" của M. Weber cho tới quan điểm "xã hội hậu công nghiệp" trong xã hội học Mỹ. Nhưng, đặc thù của các nhà lý luận trường phái Frankfurt là thái độ phủ định, "phê phán" triệt để hơn đối với các hiện tượng của chủ nghĩa duy lý tư sản dựa trên cơ sở xét lại học thuyết Marx về hệ tư tưởng. Các nhà phê phán tuyên bố rằng, sức mạnh của tự phản tư phê phán cho phép phá tan mạng lưới những quan niệm bị gán ghép từ bên ngoài, bị nhào nặn, che lấp đi các mâu thuẫn xã hội khách quan, do vậy cần dựa vào sức mạnh ấy.

Cần lưu ý tới nhận định nêu trên khi xem xét quan hệ giữa "lý thuyết phê phán" với các lý thuyết về xã hội công nghiệp ở những năm 50-60 của thế kỷ XX. Khác với các lý thuyết thực chứng mang tính chất biện hộ, các tư tưởng của trường phái Frankfurt ngay từ đầu đã có điểm khác biệt là những người bảo vệ chúng không thừa nhận việc xã hội công nghiệp phát triển cao là phương tiện xóa bỏ, vượt bỏ các mâu thuẫn của nó, chỉ coi tính hợp lý ấy là phương thức che đậy và phủ định hư ảo bản chất mâu thuẫn của xã hội này. Không phải các viễn cảnh mới mở ra cho nước Mỹ nhờ những cải cách kỹ trị, mà "khước từ" các cải cách ấy, phục tùng cơ chế của "xã hội phúc lợi chung" mới đặc trưng cho các tác phẩm của Marcuse ở những năm 1960. Còn phê phán "lý tính công cụ" thì đã được Horkheimer khởi xướng ngay từ những năm 1940 dựa trên cơ sở quan niệm mới hình thành về chủ nghĩa tư bản độc quyền Mỹ.

Horkheimer tuyên bố chủ nghĩa thực chứng mới là kết quả phát triển của toàn bộ hệ tư tưởng tư sản. Các tư tưởng này được ông hình thành cùng Adorno trong tác phẩm "Biện chứng của Khai sáng" [6]. Song các tác phẩm ở những năm đó có chung một hạn chế so với tác phẩm "Con người một chiều" [Xem 7] của Marcuse: chúng không phê phán gay gắt các hậu quả xã hội của tiến bộ khoa học-kỹ thuật trong điều kiện xã hội công nghiệp phát triển. Dừng lại ở việc phê phán lý thuyết thực chứng mới và "lý tính công cụ", Horkheimer và Adorno mặc dù chuẩn bị cho tác phẩm của Marcuse về mặt lý luận, song chưa chuyển sang phê phán công khai bản thân xã hội phi hợp lý căn cứ trên "lý tính" đó. Marcuse đã thực hiện việc này vào giữa những năm 1960 và do đó, ông trở thành tư tưởng gia nổi tiếng và quan phương của "cánh tả mới" đầu tiên ở Mỹ, sau đó là ở Tây Âu.

Được Marcuse đưa ra trong tác phẩm "Con người một chiều", luận điểm mới cũng tuyệt đối hóa vai trò của các phương tiện truyền thông đại chúng như là những công cụ nhào nặn ý thức và hành vi của con người trong xã hội công nghiệp phát triển khi đáp ứng các nhu cầu tối thiểu và tạo ra những nhu cầu nhân tạo của họ. Luận điểm này đã có ở Horkheimer và Adorno ở một chừng mực nào đó, song nó thường bị che khuất trong việc phê phán chủ nghĩa duy lý thực chứng và trong việc tuyệt đối hóa chung chung khái niệm "thống trị"; họ không nắm bắt được đặc thù của các yếu tố mới ở xã hội công nghiệp phát triển và tiến bộ khoa học-kỹ thuật, đẩy chúng xuống hàng thứ yếu. Họ phê phán các lý thuyết thực chứng mới về xã hội công nghiệp phát triển, chứ không phê phán bản thân xã hội công nghiệp phát triển. Do vậy, ảnh hưởng của phê phán này tới "cánh tả mới" ở Mỹ là không đáng kể.

Ngay từ những năm tháng chiến tranh, các tư tưởng khởi thủy của "lý thuyết phê phán" đã mang đậm sắc thái thất vọng sâu sắc về xã hội Mỹ. Chính diện mạo của "ý thức giả dối", sự thống trị của "lý tính công cụ" ẩn náu sau các lý tưởng về dân chủ và tự do; chính xã hội công nghiệp phát triển là cơ sở hiện thực cho đàn áp triệt để nhân cách và tự do. Điều này đã khiến Horkheimer, Adorno và Marcuse phản kháng, xuất phát từ lập trường bảo vệ nhân phẩm của cá nhân.

Động thái của các lĩnh vực công trong thế giới hiện đại là một trong những đề tài chiếm ưu thế của lý thuyết phê phán xã hội ở những năm 1990. Nghiên cứu đề tài phức tạp này được tiến hành nhờ luận chiến chống lại tác phẩm "Chuyển biến cấu trúc của lĩnh vực công" (*Strukturwandel der Oeffentlichkeit*) của Habermas được xuất bản từ năm 1962 [Xem thêm 8][*]. Khi được công bố bằng tiếng Anh (The Structural Transformation of the Public Sphere) năm 1989, cuốn sách này đã trở thành trung tâm của những cuộc tranh luận gay gắt của giới học thuật: về luận chứng cho chế độ dân chủ sau thời đại thế giới phân đôi, về chủ nghĩa đa văn hóa (multiculturalism), về toàn cầu hóa, v.v...

Sử dụng thuật ngữ "Oeffentlichkeit" (*public sphere* - hay *lĩnh vực công*), Habermas hàm ý lĩnh vực sinh hoạt công như lĩnh vực hoạt động xác định của con người. Khác với sinh hoạt tư, sinh hoạt công, với nguyên tắc tổ chức đời sống xã hội (trước hết là đời sống chính trị), như là một lực lượng xã hội đặc thù, có nguyên tắc tồn tại của mình là công khai thảo luận mọi vấn đề có ý nghĩa chung. Trong tác phẩm của mình, Habermas tiến hành xem xét một cách có phê phán - lịch sử lĩnh vực công tư sản, làm sáng tỏ những trạng thái căng thẳng nội tại và những khả năng suy thoái của nó, cũng như tiềm năng bành trướng của nó ẩn chứa dưới hình thức lịch sử ấy. Quan niệm đặc thù hiện đại về lĩnh vực công hàm ý nói đến sự hợp nhất những tư nhân về mặt xã hội, điều này giả định khả năng bất đồng căn bản giữa lập trường của nhà nước và lập trường của công chúng. Lĩnh vực công tư sản đã thể chế hóa thực tiễn suy lý phê phán đối với những vấn đề chính trị, và tiềm năng giải phóng nó gắn liền chính với điều này.

---

[*] Đây chính là đề tài của luận án tiến sĩ khoa học, được Habermas bảo vệ năm 1961.

Quan điểm về lĩnh vực công được các nhà lý luận phê phán những năm 1990 sử dụng như là nguyên mẫu về khái quát lịch sử đặc thù. Quan điểm này cho phép né tránh những thái cực bế tắc của lý thuyết, dù phổ biến nhưng tỏ ra tương đối cứng nhắc trong lý luận về hành vi giao tiếp của Habermas. Định hướng cơ bản trong việc xét lại quan điểm xuất phát của Habermas thể hiện ở bước chuyển từ việc phân tích lĩnh vực công thống nhất và khá đồng nhất của xã hội sang việc tái tạo tính đa dạng của những liên kết xã hội và những diễn đàn suy lý thường có quan hệ xung đột với nhau. Kỳ vọng của lĩnh vực công đang chiếm ưu thế trở thành lĩnh vực công đích thực có tính chất tư tưởng hệ; sự nhất thể hóa không gian công thường trở thành phương tiện đàn áp các liên minh xã hội đối lập đứng thấp hơn. Tương ứng, chỉ có tham dự đầy đủ quyền hạn của "lĩnh vực không phải công" và các diễn đàn suy lý mới cho phép hiện thực hóa tiềm năng giải phóng bao chứa trong bản thân tư tưởng về lĩnh vực công.

"Động thái của các lĩnh vực công" là tổ hợp đề tài phù hợp với tính chất liên ngành của lý thuyết phê phán nhờ tính đa chiều của mình. Nó bao hàm: 1) phương diện chính sách xã hội (diễn đàn suy lý như một thành tố kiến tạo của chính sách nhất thể hóa), 2) phương diện chính sách pháp lý (lĩnh vực công như cơ chế hợp thức hóa chế độ chính trị), 3) phương diện "xã hội" (nhân tố hình thành đoàn kết xã hội), 4) phương diện khai sáng triết học (duy lý hóa xã hội hiện có thông qua suy lý công).

Các lĩnh vực công xuyên quốc gia là đối tượng của các nhà lý luận phê phán trong thời gian gần đây. Phát triển tích cực chiều cạnh xuyên quốc gia của đời sống xã hội và chuyển biến toàn cầu hóa ở những năm 1990 thành một trong những đề tài giữ vị trí hàng đầu của khoa học xã hội đã đòi hỏi phải xét lại các quan niệm về lĩnh vực công vốn từng được các nhà lý luận phê phán đặt vào khuôn khổ mô hình cổ điển về nhà nước dân tộc. Phân tích một hiện tượng mới - các lĩnh vực công xuyên quốc gia - đã trở thành nhiệm vụ hàng đầu của lý thuyết phê phán hiện đại. Nghiên cứu lĩnh vực này mới chỉ bắt đầu và để hình dung ra trạng thái hiện nay của nó thì cần phải trình bày vắn tắt các cách tiếp cận và các quan điểm cơ bản được phát triển trong khuôn khổ của lý thuyết phê phán hiện đại.

Có thể nói, trước hết, việc Habermas quay lại với đề tài về lĩnh vực công vào những năm 1990 gắn liền với thực tế là quá trình toàn cầu hóa đặt ra vấn đề hợp thức hóa các cơ cấu chính trị siêu quốc gia. Với Habermas, vấn đề này tiếp nhận hình thức lĩnh vực công siêu quốc gia, tuân thủ nguyên tắc "chủ nghĩa yêu nước lập hiến". Ông xuất phát từ việc khu biệt giữa quyền lực do giao tiếp sinh ra và quyền lực được sử dụng trong hành chính. Hai quá trình trái ngược và đan xen với nhau trong lĩnh vực công là: quá trình sản xuất ra quyền lực hợp thức trong thực tiễn giao tiếp của công luận mở và quá trình đạt tới nó thông qua hệ thống chính trị. Quan niệm như vậy về tiến trình chính trị cho phép loại bỏ tư tưởng về chủ quyền nhân dân: bị hòa tan trong giao tiếp, chủ quyền có được ý nghĩa của mình trong quyền lực của suy lý công sinh ra từ các liên minh xã hội tự trị. Theo Habermas, hình thức đối thoại và hình thức công cụ của chính

trị cần phải được hợp nhất bằng các phương tiện thảo luận. Toàn bộ vấn đề là các quy trình dân chủ của nhà nước pháp quyền, tức những quy trình đem lại sức mạnh thể chế hóa cho việc hình thành công luận và ý chí chính trị ❑

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Th. W. Adorno (1969, 1972). *Về lôgíc của lý thuyết khoa học xã hội*. - Cuộc tranh luận về chủ nghĩa thực chứng trong Xã hội học Đức [Zur Logik der Sozialwissenschaftstheorie. - Der Positivismusstreit in der Deutschen Soziologie]. Neuwied - Berlin.
2. J. Habermas (1969). *Phong trào phản kháng và cải cách đại học [Protestbewegung und Hochschulereform]*. Frankfurt a. M.
3. J. Habermas (1969). *Kỹ thuật và khoa học như là "hệ tư tưởng" [Technik und Wissenschaft als "Ideologie"]*. Frankfurt a. M.
4. J. Habermas (1981). *Lý thuyết hành động giao tiếp [Theorie des kommunikativen Handelns]*. Bde 1-2, Frankfurt a. M.
5. J. Habermas. *Chuyển biến cấu trúc của lĩnh vực công. Những nghiên cứu về một phạm trù của xã hội tư sản [Strukturwandel der Oeffentlichkeit. Untersuchungen zu einer Kategorie der buergerlichen Gesellschaft] 5*. Auf., Neuwied- Berlin.
6. M. Horkheimer (1967). *Góp phần phê phán lý tính công cụ [Zur Kritik der instrumentellen Vernunft]*. Frankfurt a. M.
7. M. Horkheimer (1947). *Biện chứng của Khai sáng (viết chung với Adorno) [Dialektik der Aufklärung (Mit Adorno Th.)]*. Amsterdam.
8. H. Marcuse (1964). *Con người một chiều. Những nghiên cứu về hệ tư tưởng trong xã hội công nghiệp phát triển [One-Dimensional Man. Studies in the Ideology of Advanced Industrial Society]*. Boston, 1964; sau đó tác phẩm này được dịch sang tiếng Đức: *Der eindimensionale Mensch. Studien zur Ideologie der fortgeschrittenen Industriegesellschaft*. Neuwied-Berlin, 1967.